

Pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu - Thực trạng và phương hướng hoàn thiện : \ Luận văn ThS. Luật: 60 38 50 \ Nguyễn Thị Kim Oanh ; Nghd. : TS. Nguyễn Thị Lan Hương

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xu hướng toàn cầu hóa ngày một mạnh mẽ và tạo ra những ảnh hưởng to lớn đối với nền kinh tế, chính trị, xã hội của các quốc gia, trong đó có Việt Nam, kéo theo nhịp độ sôi động của hoạt động xuất nhập khẩu (XNK). Cùng với trào lưu hội nhập quốc tế là những bước tiến nhảy vọt của tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo đà cho các chương trình hiện đại hóa trong công tác quản lý. Trước thực tế đó, hoạt động quản lý thuế trong lĩnh vực XNK cũng thay đổi hàng ngày, với những bước cải tiến mới, đáp ứng yêu cầu thu đúng, thu đủ cho ngân sách nhà nước nhưng vẫn tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Mặc dù vậy, hệ thống pháp luật nói chung và các quy định pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế, các văn bản pháp quy về thuế XNK thay đổi thường xuyên, nhiều trường hợp chồng chéo, gây khó hiểu đối với các nhà XNK. Thực tế áp dụng cho thấy tình trạng trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế vẫn còn nhiều trong khi nhà nước chưa có biện pháp nào tỏ ra thực sự hiệu quả để giải quyết các vấn đề này... Mặt khác, đứng trước những công nghệ quản lý hiện đại, hệ thống pháp luật vẫn chưa xây dựng được hành lang pháp lý cần thiết cho việc triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhiều ứng dụng công nghệ thông tin đã được triển khai có hiệu quả nhưng vẫn thiếu vắng các quy định pháp luật cần thiết.

Xuất phát từ những lý do đó, việc đi sâu nghiên cứu những vấn đề liên quan đến pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK

của Việt Nam trong thời gian qua từ đó đề xuất một số giải pháp cho việc hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK đang là một đòi hỏi khách quan. Hy vọng rằng, đề tài “*Pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu – Thực trạng và phương hướng hoàn thiện*” sẽ góp phần vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn nói trên.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận chung của pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK, hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan hải quan đối với thuế XNK, đánh giá tình hình áp dụng pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực thuế XNK ở Việt Nam trong thời gian qua, dự đoán những xu hướng vận động liên quan ở Việt Nam trong thời gian tới từ đó đề ra những giải pháp mang tính đồng bộ, lâu dài cho pháp luật về quản lý thuế đối với hàng hóa XNK ở Việt Nam trong thời gian tới đáp ứng được xu thế phát triển trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Những quy định của pháp luật về quản lý thuế của cơ quan nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: Quy định và thực tiễn áp dụng của pháp luật hiện hành về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK trên phạm vi cả nước (trọng tâm là vai trò của cơ quan hải quan).

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp của phép biện chứng duy vật và duy vật lịch sử. Đồng thời sử dụng các phương pháp: diễn giải, tổng hợp, thống kê, phân tích, đánh giá, nghiên cứu tình huống.

5. Kết cấu của đề tài

Đề tài được chia làm 3 phần cơ bản:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về xuất nhập khẩu và pháp luật về quản lý thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu

Chương 2: Thực trạng pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

Chương 3: Phương hướng hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ XUẤT NHẬP KHẨU VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

1.1. Tổng quan về hoạt động xuất nhập khẩu

1.1.1. Khái niệm về hoạt động xuất nhập khẩu

Xuất nhập khẩu (XNK) là hoạt động kinh doanh buôn bán trên phạm vi quốc tế, là quá trình trao đổi hàng hoá giữa các quốc gia dựa trên nguyên tắc trao đổi ngang giá lấy tiền tệ làm môi giới.

Đối tượng của XNK là hàng hoá và dịch vụ. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả chỉ đề cập đến mảng hàng hóa XNK, cụ thể:

- Hàng XK: là toàn bộ hàng hoá có xuất xứ trong nước và hàng tái xuất, được đưa ra nước ngoài, làm giảm nguồn của cải vật chất của Việt Nam.

- Hàng NK: hàng hoá có xuất xứ nước ngoài và hàng tái nhập, được đưa vào từ nước ngoài, làm tăng nguồn của cải vật chất của Việt Nam.

1.1.2. Lịch sử phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu

Hoạt động XNK có từ rất lâu và phát triển mạnh cùng với sự phát triển của công nghiệp hoá, giao thông vận tải, toàn cầu hóa, công ty đa quốc gia và xu hướng thuê nhân lực bên ngoài.

Trước đây, hoạt động XNK thường được điều chỉnh bằng các hiệp định thương mại song phương giữa hai nước. Trong những năm kể từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, các hiệp định thương mại đa phương như GATT và WTO đã cố gắng xây dựng một cơ chế thương mại quốc tế có sự thống nhất điều chỉnh trên phạm vi toàn cầu.

Nội dung của các hiệp định thương mại song phương và đa phương ngày càng được mở rộng cả về các biện pháp tạo thuận lợi thương mại, đến việc điều chỉnh các loại hàng hóa XNK.

1.1.3. Vai trò của hoạt động xuất nhập khẩu

Có thể nói rằng hoạt động XNK có ý nghĩa sống còn đối với các nước tham gia vì nó giúp mở rộng khả năng tiêu dùng của một nước; đồng thời cho phép các quốc gia thay đổi cơ cấu các ngành kinh tế, cơ cấu vật chất của sản phẩm theo hướng phù hợp với đặc điểm sản xuất của mình hơn. Hoạt động XNK đóng những vai trò cụ thể như sau:

- Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước.

- Thúc đẩy việc phân công lại lao động.
- Tạo điều kiện tranh thủ, khai thác các tiềm năng, thế mạnh của các nước khác trên thế giới.
- Góp phần thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế, xã hội giữa các nước.
- Nâng cao khả năng tiêu dùng, tăng mức sống của dân cư.
- Tăng khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào trong nước.

1.2. Tổng quan về thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

1.2.1. Sự cần thiết phải đánh thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu

Thuế là khoản đóng góp bắt buộc của cá nhân và tổ chức cho Nhà nước, phát sinh trên cơ sở các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành, không mang tính chất đối giá và hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế. Thuế trở thành một công cụ hữu hiệu của các nhà quản lý trong lĩnh vực XNK, cụ thể:

- Tạo nguồn thu cho NSNN;
- Điều chỉnh quan hệ kinh tế quốc tế;
- Bảo vệ lợi ích quốc gia;
- Bảo đảm sự công bằng giữa các doanh nghiệp;

1.2.2. Các loại thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

Trên thế giới và ở Việt Nam hiện có rất nhiều loại thuế, ở Việt Nam, liên quan đến hoạt động XNK có thuế XK, thuế NK; thuế GTGT và thuế TTĐB.

a) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Thuế XK, thuế NK là quan hệ pháp luật phát sinh giữa Nhà nước (người thu thuế) với tổ chức, cá nhân (người nộp thuế), về việc tạo lập và thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp lý cho các bên trong quá trình hành thu thuế XK, thuế NK đánh vào hàng hóa XNK qua biên giới.

Thuế XK, thuế NK có những đặc trưng cơ bản:

- Có đối tượng chịu thuế là các hàng hóa được phép vận chuyển qua biên giới;
- Không hoàn toàn là thuế trực thu hoặc thuế gián thu, phụ thuộc vào việc hàng hóa NK vào để tiêu dùng hay để XK tiếp.
- Có chức năng đặc trưng là bảo hộ sản xuất trong nước và điều tiết hoạt động XNK.

Thuế XK, thuế NK có một vai trò khá đặc thù, là bảo hộ nền sản xuất trong nước và chống lại xu hướng cạnh tranh không cân sức giữa hàng hóa trong nước với hàng hóa ngoại nhập.

b) Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào NSNN theo mức độ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Theo đó, người tiêu dùng cuối cùng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chính là đối tượng chịu thuế, còn người sản xuất, lưu thông sẽ được hoàn trả lại tiền thuế GTGT đã đóng. Xuất phát từ đặc trưng là một loại thuế đánh vào tiêu dùng, cho nên hàng XK (theo định nghĩa này thì người tiêu dùng ở nước ngoài) thường không phải chịu thuế GTGT hoặc thuế GTGT đối với người XK được hoàn lại. Vậy nên, trong lĩnh vực XNK, vấn đề quản lý thuế chỉ đặt ra với hoạt động thu nộp thuế đối với hàng hóa NK và công tác hoàn thuế đối với doanh nghiệp XK.

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế TTĐB là loại thuế đánh vào một số loại hàng hóa dịch vụ đặc biệt, cần điều tiết mạnh nhằm hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng đồng thời tăng nguồn thu cho NSNN.

Các quốc gia thường chỉ đánh thuế TTĐB một lần vào khâu sản xuất và NK, chứ không đánh thuế TTĐB vào cơ sở kinh doanh những mặt hàng nói trên. Trong lĩnh vực XNK, vấn đề quản lý thuế TTĐB chỉ đặt ra đối với hàng hóa NK, còn các cơ sở kinh doanh thương mại mua hàng hóa thuộc danh mục chịu thuế TTĐB của doanh nghiệp NK không phải chịu thuế TTĐB mà sẽ phải chịu một loại thuế gián thu khác.

1.3. Tổng quan pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

1.3.1. Khái niệm pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

Pháp luật về quản lý thuế là danh từ pháp lý dùng để chỉ tập hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện những biện pháp nghiệp vụ của cơ quan có chức năng thu ngân sách mà trong lĩnh vực XNK thì cơ quan thu ngân sách chính là cơ quan hải quan.

Xét từ phương diện hình thức, pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật như văn bản luật, nghị quyết của Quốc hội; và các văn bản dưới luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành... Còn xét về phương diện nội dung, pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK lại bao hàm các vấn đề chủ yếu như: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; quyền và nghĩa vụ của các đối tượng liên quan; các nội dung cụ thể về đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giám thuế, kiểm tra thuế, thanh tra thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế, giải quyết khiếu nại tố cáo về thuế...

1.3.2. Mối quan hệ giữa pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK và pháp luật về thủ tục hải quan

Quản lý thuế trong lĩnh vực XNK được gắn liền với thủ tục hải quan, hoạt động quản lý thu nộp thuế nằm trong hoạt động thông quan hàng hóa, hồ sơ khai thuế nằm trong hồ sơ khai hải quan... Do vậy, pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK và pháp luật về thủ tục hải quan có mối quan hệ khăng khít, hoạt động quản lý thu nộp thuế đối với hàng hóa XNK được gắn liền với các khâu nghiệp vụ của cơ quan hải quan khi tiến hành thông quan hàng hóa XNK.

Với yêu cầu của tốc độ phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin vào phương pháp quản lý hải quan hiện đại, pháp luật về thủ tục hải quan đang ngày càng có những bước phát triển có tính chất đột phá về mặt kỹ thuật điển hình như mô hình thông quan điện tử. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn như vậy, pháp luật về thủ tục hải quan cần phải có những quy định gắn liền với xu hướng phát triển hiện đại hóa của ngành hải quan. Và vì pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK có quan hệ mật thiết với pháp luật về thủ tục hải quan, nên cũng cần sự cải cách để bắt kịp với nhịp độ phát triển của thủ tục hải quan, góp phần tạo thuận lợi thương mại.

1.3.3. Mục đích, yêu cầu của pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK

Pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK phải hướng đến thực hiện các mục tiêu sau:

- Trở thành công cụ đắc lực để đảm bảo kế hoạch thu NSNN đầy đủ và kịp thời.

- Đảm bảo thực hiện chính sách thuế về XNK hàng hóa của quốc gia.

Theo đó, pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK cần quán triệt một số nguyên tắc cơ bản sau:

- Phù hợp với thông lệ quốc tế;
- Thống nhất, tập trung dân chủ;
- Công bằng trong quản lý thuế;
- Minh bạch trong quản lý thuế;
- Thuận tiện, tiết kiệm và hiệu quả.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

2.1. Pháp luật điều chỉnh về hoạt động quản lý thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam

Hoạt động quản lý thu thuế trong lĩnh vực XNK được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật gồm có văn bản luật và văn bản hướng dẫn thi hành theo các hệ thống:

- Pháp luật về thuế XK, thuế NK; thuế GTGT; thuế TTĐB;
- Luật quản lý thuế và một số văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Hải quan và một số văn bản hướng dẫn thi hành;
- Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính.

2.2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể theo pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

2.2.1. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế

Người nộp thuế trong lĩnh vực XNK là:

- Tổ chức, cá nhân có hàng hóa XK, NK thuộc đối tượng chịu thuế của Luật Thuế XK, thuế NK là người nộp thuế XK, thuế NK;
- Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và tổ chức, cá nhân NK hàng hóa chịu thuế GTGT;
- Người nộp thuế TTĐB là tổ chức, cá nhân sản xuất, NK hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

2.2.2. Quyền và nghĩa vụ của Cơ quan hải quan

Cơ quan Hải quan có nhiệm vụ quản lý các loại thuế đánh vào hàng hóa XK, NK qua biên giới lãnh thổ và hàng hóa được vận chuyển ra vào các khu vực kinh tế cửa khẩu, các khu chế xuất, các doanh nghiệp sản xuất hàng XK. Nhiệm vụ thu thuế của ngành Hải quan có sự phân cấp theo cơ cấu tổ chức như sau:

- Ở cấp trung ương: Vụ Kiểm tra thu thuế XNK (nay là Cục Thuế XNK);
- Ở cấp tỉnh, thành phố, liên tỉnh: Phòng Nghiệp vụ là bộ phận thực hiện việc quản lý, hướng dẫn nhiệm vụ thu thuế;

- Tại cửa khẩu, bộ phận giá - thuế thuộc các đội thủ tục hải quan là những người trực tiếp tiến hành thu tiền từ người kinh doanh XNK hàng hoá.

2.2.3. Trách nhiệm của công chức hải quan trong việc thu thuế

Các công chức chịu trách nhiệm thu thuế là bộ phận nhân sự trực tiếp làm việc với người nộp thuế, họ được trao quyền để trực tiếp áp dụng pháp Luật QLT đối với từng trường hợp cụ thể.

2.2.4. Trách nhiệm của các Cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện pháp luật thuế

Một số cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện pháp luật thuế trong lĩnh vực XNK như: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Ngân hàng thương mại; cơ quan thông tin, báo chí...

2.3. Nội dung cơ bản về thủ tục quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

2.3.1. Về thủ tục đăng ký thuế

Luật QLT qui định về thủ tục đăng ký thuế từ Điều 23-29. Theo đó, có thể hiểu đăng ký thuế là việc người nộp thuế kê khai những thông tin của người nộp thuế theo mẫu quy định và nộp tờ khai cho cơ quan quản lý thuế nội địa để bắt đầu thực hiện nghĩa vụ về thuế với Nhà nước theo các qui định của pháp luật. Hiện nay, việc thực hiện đăng ký thuế đang dần được triển khai áp dụng theo quy trình điện tử, nhưng vẫn còn một số vướng mắc như: chữ ký điện tử, khả năng chứng thực các văn bản điện tử... Điểm nổi bật của hệ thống này là giảm thiểu sự can thiệp của con người vào xử lý nghiệp vụ nhằm hạn chế tiêu cực, có tính tập trung cao, dễ sử dụng, hệ thống máy chủ và máy dự phòng sao lưu mạnh, tính bảo mật cao...

2.3.2. Quản lý kê khai thuế

Luật QLT quy định về quản lý khai thuế trong chương III (điều 30-35). Do hoạt động XNK có những đặc thù riêng nên việc quản lý khai thuế cũng được quy định riêng trong từng nội dung của Luật QLT như một trường hợp đặc biệt. Ngoài ra, những nội dung liên quan về hoạt

động quản lý khai thuế còn được quy định rải rác trong các văn bản hướng dẫn về hải quan.

a) Chủ thể kê khai thuế là người khai hải quan

Chủ thể khai hải quan hay nói cách khác là chủ thể khai thuế trong lĩnh vực XNK chính là người khai hải quan. Nhưng người khai hải quan và đối tượng nộp thuế cho hàng hóa XNK lại không phải là 2 khái niệm đồng nhất. Mặc dù vậy, Luật QLT vẫn còn một số chỗ quy định đồng nhất giữa người khai thuế và người nộp thuế, tạo ra sự không thống nhất về mặt quy định của pháp luật, có thể gây khó khăn cho các đối tượng áp dụng.

b) Hồ sơ khai thuế, thời hạn, địa điểm nộp thuế gắn liền với thủ tục nộp tờ khai hải quan

Bộ hồ sơ hải quan sẽ được cung cấp một lần theo quy định về thời hạn, địa điểm đối với từng trường hợp hàng hóa XNK để thực hiện tất cả các khâu nghiệp vụ của cơ quan hải quan. Điều đó góp phần đảm bảo việc quản lý chặt chẽ tạo công bằng giữa các đối tượng khai hải quan do việc kiểm tra thuế gắn với các khâu nghiệp vụ hải quan, đảm bảo một quy trình kiểm tra chặt chẽ cả về mặt giấy tờ tài liệu lẫn thực tế hàng hóa, và kiểm tra sau khi thông quan hàng hóa. Để dự phòng cho việc áp dụng thủ tục hải quan điện tử, pháp luật Việt Nam hiện cũng đã lồng ghép một số quy định về giao dịch điện tử, đảm bảo một phần cơ sở pháp lý để có thể tiến hành khai thuế theo phương pháp hiện đại.

2.3.3. Quy định về quản lý nộp thuế

a) Thời hạn nộp thuế được quy định linh hoạt theo từng loại hàng hóa XNK và từng trường hợp khác nhau

Quy định về gia hạn nộp thuế là một quy định nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế để vượt qua những khó khăn khách quan phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định về thời hạn nộp thuế như trên đã xảy ra một số vướng mắc cụ thể như tình trạng nợ đọng thuế luôn phát sinh, nợ kéo dài gây thất thu cho NSNN, việc sử dụng các biện pháp cưỡng chế sau khi đã giải phóng hàng đều không hiệu quả.

b) Tổ chức nộp thuế

Để bắt kịp với tốc độ hiện đại hóa trên thế giới, đảm bảo cải cách thủ tục hành chính, hiện nay nhà nước ta đã bắt đầu triển khai mạnh mẽ các phương án thu thuế qua ngân hàng. Dự án thu thuế qua hệ thống ngân

hàng sẽ giúp giảm thiểu thời gian, chi phí cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp khi được triển khai trên diện rộng. Từ thực tế trên cho thấy, mặc dù quy định pháp luật đã dự liệu đưa ngân hàng trở thành kênh thu thuế đối với hàng hóa XNK, nhưng lại chưa có các quy định cụ thể về mặt thủ tục, tạo hành lang pháp lý cho ngân hàng khi triển khai trên diện rộng các đề án như thu thuế qua hệ thống ngân hàng.

c) Bảo lãnh nộp thuế, ấn định thuế, xử lý thanh toán thuế, nộp thuế trong thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo, trường hợp hàng hóa phải giám định

Quy định về bảo lãnh cho phép người nộp thuế được nợ thuế trong một thời gian để đảm bảo nguồn vốn kinh doanh; Quy định về ấn định thuế được thiết lập như một phương pháp để quản lý chặt chẽ việc tự tính thuế của doanh nghiệp, hạn chế tình trạng trốn thuế, đảm bảo thu đủ thuế cho NSNN; Quy định về xử lý thanh toán thuế nộp thừa đảm bảo tính công bằng đối với doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhận lại số tiền đã nộp bằng nhiều cách khác nhau. Việc tính lãi suất đối với tiền thuế đã nộp thừa chứng tỏ quan điểm minh bạch của nhà quản lý.

2.3.4. Bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế

a) Bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế

- Miễn thuế, giảm thuế
- Hoàn thuế
- Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

b) Bảo đảm trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người nộp thuế

- Trường hợp xuất cảnh
- Trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động
- Trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp

2.3.5. Các quy định về quản lý thuế trên khía cạnh kiểm tra và cưỡng chế

a) Quản lý thông tin người nộp thuế

Một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của hoạt động quản lý này là phải giữ bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của pháp luật, trừ một số trường hợp đặc biệt. Đây là một quy định thể hiện được tính bảo mật cao về thông tin của người nộp thuế, giúp đối tượng cung cấp thông tin yên tâm hợp tác với cơ quan hải quan. Hiện nay, ngành hải quan đã xây dựng thành công các hệ thống quản lý thông tin điện tử

về thuế và đang nâng cấp, phát triển cả về cơ sở hạ tầng kỹ thuật lẫn chất lượng thông tin đầu vào và đầu ra, từng bước phát triển kịp với yêu cầu hiện đại hóa của ngành.

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế

Xuất phát từ tình hình thực tế, cần thiết nghiên cứu bổ sung quy định về Điều tra thuế để khắc phục tình trạng chây ì nợ thuế, trốn lậu thuế,... và tăng cường cơ sở pháp lý của Luật Quản lý thuế; hỗ trợ việc phát hiện các hành vi trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế để thu đủ tiền thuế vào NSNN.

c) Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế

Việc thực hiện 6 biện pháp cường chế chưa đạt hiệu quả cao, sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan còn yếu. Mặt khác, quy định phải thực hiện tuân thủ từng bước cường chế nói trên đang gây khó khăn, chậm trễ khi áp dụng.

d) Xử lý vi phạm pháp luật về thuế

Trên thực tế phát sinh các trường hợp không có khả năng nộp tiền phạt chậm nộp thuế do nguyên nhân khách quan khác như: do chính sách thay đổi, hàng hoá thuộc nguồn tiền ghi thu ghi chi qua NSNN hoặc ngân sách chậm cấp tiền để nộp thuế, nguyên liệu sản xuất XK, gia công dôi dư sau khi thanh khoản (nguyên liệu thừa không cấu thành được sản phẩm hoàn chỉnh...). Do vậy, cần phải bổ sung việc miễn xử phạt để có cơ sở pháp lý thực hiện miễn xử phạt cho các trường hợp thực tế phát sinh do nguyên nhân khách quan khác, đồng thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và làm giảm được nợ đọng phạt chậm nộp thuế.

e) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện

Vấn đề khiếu nại tố cáo, khởi kiện trong quản lý thuế đối với hàng hóa XNK cũng được quy định tương tự như các lĩnh vực hành chính khác. Hiện nay, việc mở rộng quy định về quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thể nói là một bước tiến lớn trong mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, thể hiện tính bình đẳng, tranh tụng trước tòa án. Nó còn làm cho các cơ quan hành chính nhà nước (trong đó có cơ quan hải quan) có trách nhiệm hơn trong việc giải quyết các công việc của công dân. Tuy nhiên, trong thực tiễn thì việc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án của công dân không được thuận lợi như quy định của Luật do còn thiếu thống nhất giữa các quy định pháp luật.

Chương 3
PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ
THUẾ TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

3.1. Đánh giá tác động thực tiễn của việc thi hành các quy định pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

3.1.1. Hệ thống pháp luật tạo ra cơ sở pháp lý chung cho hoạt động quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Các quy định của luật và những văn bản hướng dẫn đã tạo điều kiện cho việc cải cách thủ tục hành chính thuế XNK, tăng cường công cụ quản lý, nâng cao hiệu lực của hệ thống pháp luật về thu thuế XNK. Diện mạo công tác quản lý thuế đã được hiện đại hóa, phù hợp với thông lệ quản lý thuế quốc tế, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực tiễn công tác quản lý thuế trong lĩnh vực XNK cho thấy ý thức tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp nộp thuế ngày càng được nâng cao, vai trò của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong công tác quản lý thuế từng bước được tăng cường, dư luận xã hội, cộng đồng doanh nghiệp ngày càng đồng tình và quan tâm ủng hộ, trình độ cán bộ công được nâng lên theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp... nên số thu thuế XNK vào NSNN luôn vượt chỉ tiêu được giao.

3.1.2. Các giải pháp đảm bảo thực hiện tốt các quy định pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu đã được áp dụng đồng bộ

- Đã tập trung nguồn nhân lực để thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc kê khai của người nộp thuế, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về thuế vừa chống thất thu thuế và vừa là biện pháp nhắc nhở để hỗ trợ người nộp thuế nâng cao tính tuân thủ pháp luật về nghĩa vụ thuế.

- Đã xây dựng bộ máy quản lý nợ từ Tổng cục đến các Cục và Chi cục hải quan địa phương.

- Ngay từ những ngày đầu triển khai Luật QLT, Ngành Hải quan đã bổ sung chức năng cho phép doanh nghiệp tra cứu tình trạng nợ thuế chi tiết đến từng tờ khai, từng sắc thuế, từng trạng thái nợ (trong hạn, quá hạn, cưỡng chế) trên Trang thông tin điện tử của ngành Hải quan (<http://www.customs.gov.vn>).

- Toàn ngành đã tập trung triển khai nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng đáp ứng yêu cầu của Luật QLT.
- Sự phối kết hợp giữa cơ quan hải quan với các tổ chức cá nhân có liên quan bước đầu đã đạt kết quả nhất định trong việc cung cấp thông tin cho quản lý thuế.

3.1.3. Những kết quả thu được từ thực tiễn áp dụng pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

- Quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế được đề cao, tiếp tục thực hiện cơ chế quản lý người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.
- Bước đầu góp phần làm thay đổi nhận thức của cơ quan hải quan về mối quan hệ giữa thủ tục quản lý thuế với thủ tục hải quan (hiểu quản lý thuế là một khâu, gắn liền, thống nhất với quy trình thủ tục hải quan, nếu làm thủ tục hải quan không chuẩn sẽ ảnh hưởng tới quản lý thuế).
- Việc quy định thứ tự thanh toán các khoản tiền thuế phải nộp đã giúp doanh nghiệp khi nộp thuế biết được nhiệm vụ thanh toán các khoản nghĩa vụ với NSNN, tránh bị rơi vào tình trạng nợ đọng kéo dài và thuộc diện bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế nộp thuế.
- Ngoài trách nhiệm của người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, Luật đã quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan khác (UBND, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan pháp luật, báo chí...) do đó đã tạo chuyển biến về nhận thức và nâng cao sự quan tâm của các cơ quan này tới công tác quản lý thuế, từ đó nâng cao vị thế của công tác quản lý thuế.
- Có ít vướng mắc, đa số các trường hợp hỏi vướng mắc là của hải quan địa phương, không phải của Doanh nghiệp mà nguyên nhân là do chưa hiểu rõ văn bản, không phải là vướng mắc về cơ chế chính sách.

3.1.4. Các vướng mắc, tồn tại

- Tính thiếu thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản trong hệ thống pháp luật về thuế.
- Do là một hệ thống pháp luật mới nên còn phát sinh nhiều vướng mắc khi thực hiện nhất là đối với những nội dung mới liên quan đến khai bổ sung, ấn định thuế, ân hạn thuế, bảo lãnh thuế, miễn thuế, hoàn thuế, cưỡng chế hành chính thuế, xử lý vi phạm. Việc xây dựng mới,

sửa đổi, bổ sung các quy trình nghiệp vụ còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu đồng bộ, phù hợp với cơ chế, nguyên tắc quản lý mới.

- Các địa phương chưa thực sự phát huy tính chủ động, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc nghiên cứu Luật và các văn bản hướng dẫn để kịp thời xử lý các vướng mắc nảy sinh trong thực tế, có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm lên Tổng cục, làm kéo dài thời gian xử lý.

- Người nộp thuế, nhất là các doanh nghiệp chưa có ý thức chấp hành, tuân thủ pháp luật, chưa thực sự quan tâm đến việc đào tạo, nâng cao trình độ am hiểu pháp luật nói chung, pháp luật về hải quan, thuế, quản lý thuế nói riêng cho cán bộ đi làm thủ tục hải quan, ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện nghĩa vụ khai thuế, tính thuế, nộp thuế.

3.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

3.2.1. Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Để phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, khi Việt Nam đang từng bước phát triển và hoàn thiện để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của một nền kinh tế hoàn chỉnh theo cam kết với WTO, hiện nay, công tác quản lý thuế cũng cần có những chuyển biến mang tính đột phá tạo điều kiện để ngành thuế, ngành hải quan thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế theo hướng minh bạch hóa, đơn giản hóa các thủ tục và từng bước đưa chính sách thuế thực sự đi vào cuộc sống.

3.2.2. Đảm bảo phù hợp với mục tiêu chính sách của Đảng, Nhà nước pháp luật có liên quan

- Trong lĩnh vực quản lý thuế, cần phải có hướng phát triển mới để góp phần hơn nữa vào việc đề cao nghĩa vụ của người nộp thuế, tôn trọng quyền chủ động của người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

- Hướng hoàn thiện cần phải đáp ứng yêu cầu hơn nữa về cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch cho người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế; tạo cơ sở pháp lý thực hiện cải cách hải quan điện tử; bổ sung một số các quy định mới để phù hợp với thực tiễn công tác quản lý thuế hiện nay.

- Các quy định về “hồ sơ đăng ký thuế”, “địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế”, cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế phải sửa đổi cho phù hợp với đăng ký doanh nghiệp mới theo quy định của Nghị định số

43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

3.3. Một số kiến nghị để hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

3.3.1. Bổ sung một số quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế để đảm bảo quyền lợi cho người nộp thuế

- Bổ sung quy định cho phép người nộp thuế được khai bổ sung các nội dung không liên quan đến thuế
- Bổ sung trường hợp khai bổ sung làm giảm số thuế phải nộp

3.3.2. Đề xuất sửa đổi một số quy định về thời hạn nộp thuế

Sửa quy định về thời hạn nộp thuế sẽ tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý thuế, giảm chi phí quản lý trong công tác quản lý, theo dõi nợ thuế, nhưng sẽ gây phản ứng mạnh từ người nộp thuế, nhất là trong tình hình nền kinh tế có nhiều biến động và không ổn định, cơ chế cho vay và bảo lãnh của ngân hàng cũng đang được thắt chặt rất khó để tất cả các doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp chuyên kinh doanh XNK) có thể thu xếp được một số tiền lớn để nộp thuế ngay cho nhà nước khi NK hàng hóa. Tuy nhiên, sẽ nâng cao được ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN và chấp hành, tuân thủ nghiêm pháp luật, không trông chờ ỷ lại chính sách bảo hộ của Nhà nước, tạo sự cạnh tranh lành mạnh, công bằng, bình đẳng trong các doanh nghiệp (chỉ những doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh lành mạnh mới tồn tại được).

3.3.3. Đề xuất bỏ cụm từ “tiền thuế truy thu” trong quy định về thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền phạt

Luật QLT không sử dụng cụm từ “truy thu” đối với trường hợp người nộp thiếu thuế bị cơ quan hải quan phát hiện mà sử dụng cụm từ “án định thuế”, do đó đề nghị thay cụm từ “tiền thuế truy thu” bằng cụm từ “tiền thuế án định” cho thống nhất.

3.3.4. Đề xuất sửa đổi về một số trường hợp liên quan đến xử lý số tiền thuế nộp thừa

Quy định về thời hạn giải quyết hoàn trả số tiền thuế nộp thừa theo quy định tại điều 47 và điều 60 của Luật QLT là mâu thuẫn với nhau, cần phải sửa lại quy định về thời hạn cho phù hợp giữa 2 điều.

3.3.5. Hướng giải quyết các bất cập trong quy định về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế

- Trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của cá nhân là thành viên Hội đồng Quản trị của Doanh nghiệp đang có nợ thuế tại cơ quan hải quan

- Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp (Điều 55 Luật QLT)

- Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh (Điều 29 Nghị định 85/2007/NĐ-CP)

3.3.6. Rút ngắn thời hạn giải quyết đối với trường hợp hoàn trước, kiểm tra sau

Rút ngắn thời hạn giải quyết với trường hợp hoàn trước, kiểm tra sau từ 15 ngày xuống còn 6 ngày.

3.3.7. Quy định thêm về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin về người nộp thuế

Cần có quy định ngân hàng có trách nhiệm thông báo các số hiệu tài khoản của doanh nghiệp khi doanh nghiệp đăng ký mở tài khoản tại Ngân hàng cho cơ quan Thuế biết để tạo điều kiện cho cơ quan quản lý thuế nắm bắt thông tin kịp thời về người nộp thuế, chủ động trong thu hồi nợ thuế.

3.3.8. Bổ sung trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

Bổ sung thêm trường hợp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế đối với người nộp thuế có Chi nhánh của người nộp thuế đang nợ thuế bị cưỡng chế, cố ý chây ì nợ thuế để tạo cơ sở pháp lý thu hồi được nợ thuế trong trường hợp chi nhánh công ty cố ý chây ì nợ thuế.

3.3.9. Một số kiến nghị liên quan đến quy định về các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

- Bổ sung điều khoản quy định ràng buộc trách nhiệm đối với Ngân hàng và các tổ chức tín dụng trong việc cung cấp thông tin chính xác về số dư tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp để cơ quan hải quan thực hiện Quyết định cưỡng chế.

- Quy định áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan là biện pháp đầu tiên để răn đe các doanh nghiệp cố tình chây ì, hoặc đồng thời được áp dụng linh hoạt các biện pháp cưỡng chế khác tùy theo từng

trường hợp có khả năng thu hồi ngay được nợ thuế, không nên bắt buộc cứng nhắc trong việc thực hiện tuân tự theo các bước.

3.3.10. Bổ sung trường hợp miễn xử phạt vi phạm pháp luật về thuế

Ngoài các trường hợp đã quy định được miễn xử phạt: gặp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc trường hợp bất khả kháng khác, kiến nghị bổ sung thêm các trường hợp thuộc nguyên nhân khách quan được miễn phạt như: do chính sách thay đổi, hàng hoá thuộc nguồn tiền ghi thu ghi chi qua NSNN hoặc ngân sách chậm cấp tiền để nộp thuế, nguyên liệu sản xuất XK, gia công dôi dư sau khi thanh khoản (nguyên liệu thừa không cấu thành được sản phẩm hoàn chỉnh...)

3.4. Tạo ra cơ chế thực hiện tốt qui định về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

- Yêu cầu cần có sự quan tâm và phối hợp của các cơ quan hữu quan là hết sức cần thiết để đảm bảo việc hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý thuế một cách thống nhất và có thể thực hiện được.

- Cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo đơn giản hóa thủ tục, tạo cơ sở pháp lý từng bước cho mục tiêu cải cách và hiện đại hóa ngành thuế và hải quan theo chiến lược đã được Bộ Chính trị và Chính phủ phê duyệt đòi hỏi bộ máy quản lý thuế các cấp từ trung ương đến địa phương phải có kỹ năng quản lý, trình độ nghiệp vụ tương xứng với yêu cầu đặt ra; đồng thời xây dựng hệ thống thông tin về người nộp thuế, phát triển các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý thuế phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với định hướng lâu dài của ngành. Yêu cầu này đòi hỏi cần có thời gian để ngành hải quan từng bước nâng cao và hoàn thiện đáp ứng các mục tiêu mà Chính phủ đề ra.

Để khắc phục những khó khăn và triển khai tốt việc hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK, cần phải: có sự chỉ đạo của các cấp, các ngành, phối hợp giữa các cơ quan tổ chức; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích chính sách; Xây dựng và nâng cấp cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin... đảm bảo yêu cầu quản lý thuế điện tử và hiện đại; lập kế hoạch và đẩy mạnh công tác tập huấn cho cán bộ hải quan các cấp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và đạo đức công vụ để có thể nắm bắt kịp thời và triển khai hiệu quả các chính sách thuế mới.

KẾT LUẬN

Pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK là một vấn đề đặc biệt quan trọng, không chỉ đối với ngành Hải quan nói riêng mà còn đối với hệ thống quản lý NSNN nói chung. Thông qua việc nghiên cứu đề tài “Pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu – Thực trạng và phương hướng hoàn thiện”, tác giả đã xây dựng được yêu cầu đối với việc xây dựng hệ thống pháp luật về quản lý thuế đối với hoạt động XNK, soi chiếu những yêu cầu đó trong thực tiễn quy định và áp dụng pháp luật của Việt Nam hiện nay để đưa ra định hướng và kiến nghị để góp phần hoàn thiện pháp luật.

Vấn đề quản lý thuế trong lĩnh vực XNK luôn là một vấn đề phức tạp. Nó chỉ có thể được thực hiện tốt dựa trên nền tảng của một hệ thống quản lý hiện đại, với nguồn nhân lực tốt, có tinh thần trách nhiệm và chịu sự ràng buộc cao về nghĩa vụ pháp lý; cũng như cần đảm bảo các kênh tiếp cận gần gũi với đối tượng nộp thuế, xây dựng được cơ chế giám sát quản lý sâu sát cũng như hệ thống ràng buộc nghĩa vụ nghiêm khắc. Có như vậy thì người quản lý mới thực hiện công việc một cách vô tư, còn đối tượng chịu sự quản lý mới thực hiện nghĩa vụ một cách tự nguyện, tích cực.

Những bất cập hiện nay như việc văn bản pháp luật quy định không rõ ràng gây nên sự lúng túng trong công tác quản lý của ngành hải quan, đây chính là nguyên nhân của những biểu hiện tiêu cực trong quản lý đi ngược lại với mục đích tạo thuận lợi thương mại.

Pháp luật về quản lý thuế trong lĩnh vực XNK hướng tới là đảm bảo thu đúng, thu đủ nguồn thuế cho NSNN, nhưng vẫn đảm bảo tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Để thực hiện được điều đó thì một mặt cần phải hoàn thiện các quy định pháp luật theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như các yêu cầu hiện đại hóa, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý; mặt khác cũng cần phải xây dựng một hệ thống pháp luật thống nhất, chặt chẽ, có sự phối kết hợp giữa các đối tượng có liên quan để việc quản lý thu thuế diễn ra công khai, minh bạch, không những gây dựng được niềm tin của doanh nghiệp vào chính sách quản lý của Nhà nước mà còn có thể góp phần tạo đà đưa nền kinh tế của đất nước phát triển bền vững.

Là một công chức đang làm việc tại cơ quan hải quan, tác giả mong muốn thông qua đề tài này, đóng góp một tiếng nói vào sự nghiệp cải cách hiện đại hóa của ngành, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý thu thuế đối với hàng hóa XNK. Là đề tài đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống về pháp luật trong quản lý thuế đối với hàng hóa XNK, tác giả mong muốn có thể làm sáng tỏ sự cần thiết phải nghiên cứu lĩnh vực này, đồng thời thông qua đó để hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn cơ sở lý luận và thực tiễn làm nền tảng cho việc ứng dụng vào công tác chuyên môn của bản thân. Hi vọng rằng, trong tương lai không xa, với những nghiên cứu, những giải pháp, đề xuất mang tính hệ thống của luận văn sẽ đóng góp một phần nhỏ hữu ích trong quá trình tạo thuận lợi thương mại của ngành hải quan nói riêng cũng như tiến trình cải cách hiện đại hóa của đất nước nói chung.